

### 38-GIẢI THÍCH MƯỜI MỘT TRÍ

**KINH:** Mười một trí là pháp trí, tử trí, tha tâm trí, thế trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, Đạo trí, tận trí, vô sanh trí, như thật trí.

**LUẬN:** Pháp trí: Trí vô lậu đối với pháp khổ hệ thuộc cõi Dục (khổ), trí vô lậu đối với pháp nhân hệ thuộc cõi Dục (tập), trí vô lậu đối với pháp diệt hệ thuộc cõi Dục (diệt), trí vô lậu đối với đạo đoạn dứt hệ thuộc cõi Dục (đạo) và trí vô lậu trong pháp trí phẩm.

Tử trí: Trí vô lậu đối với pháp khổ, tập, diệt, đạo hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc, cũng như vậy.

Tha tâm trí: Trí biết tâm tâm số pháp hiện tại của người khác hệ thuộc cõi Dục cõi Sắc và một phần tâm tâm số pháp vô lậu.

Thế trí: Các trí tuệ hữu lậu.

Khổ trí: Năm thọ uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, khi quán thời được vô lậu trí.

Tập trí: Nhân của pháp hữu lậu có bốn tướng là nhân, tập, sanh, duyên, khi quán thì được vô lậu trí.

Diệt trí: Bốn tướng diệt, chỉ, diệu, xuất, khi quán thì được vô lậu trí.

Đạo trí: Bốn tướng đạo, chánh, hành, đạt (hay đạo, như, hành, xuất) khi quán thì được vô lậu trí.

Tận trí: Ta đã thấy khổ, đã đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo. Khi nhớ nghĩ như vậy được trí vô lậu là tuệ, kiến, minh, giác.

Vô sanh trí: Ta đã thấy khổ không còn thấy nữa, ta đã đoạn tập không còn đoạn nữa, ta đã chứng diệt không còn chứng nữa, ta đã tu đạo không còn tu nữa. Khi nhớ nghĩ như vậy, được trí vô lậu là tuệ, kiến, minh, giác.

Như thật trí: Như thật biết đúng tướng chung tướng riêng của hết thấy pháp, không có quái ngại.

Pháp trí này duyên pháp Khổ hệ thuộc cõi Dục và pháp tập hệ thuộc cõi Dục, pháp Diệt hệ thuộc cõi Dục, và pháp Đạo đoạn diệt hệ thuộc cõi Dục. Tử trí cũng như vậy. Thế trí duyên hết thấy pháp. Tha

tâm trí duyên tâm tâm số pháp hữu lậu vô lậu của người khác. Khổ trí, tập trí duyên năm thọ uẩn. Diệt trí duyên tận diệt. Đạo trí duyên năm uẩn vô lậu. Tận trí, vô sanh trí đều duyên Bốn đế.

Mười trí ấy, một hữu lậu, tám vô lậu. Còn một tha tâm trí thì nên phân biệt: Nếu duyên tha tâm hữu lậu là hữu lậu, duyên tha tâm vô lậu là vô lậu.

Pháp trí thì thu nhiếp cả pháp trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, Đạo trí, tận trí và một phần ít vô sanh trí. Tỷ trí cũng như vậy. Thế trí thì thu nhiếp thế trí và một phần ít tha tâm trí. Tha tâm trí thì thu nhiếp tha tâm trí và pháp trí, tỷ trí, thế trí, Đạo trí, tận trí và một ít vô sanh trí. Khổ trí thì thu nhiếp khổ trí và pháp trí, tỷ trí, tận trí, một phần ít vô sanh trí. Tập trí, diệt trí cũng như vậy. Đạo trí thì thu nhiếp Đạo trí và pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, tận trí, một phần ít vô sanh trí. Tận trí thì thu nhiếp tận trí và pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, một phần ít Đạo trí. Vô sanh trí cũng như vậy.

Chín trí tương ứng với tám căn (Ý, hỷ, lạc, xả, tín, tấn, niệm, định căn) trừ tuệ căn, ưu căn, khổ căn. Thế trí tương ứng với mười căn (ý, hỷ, lạc, ưu, khổ, xả, tín, tấn, niệm, định) trừ tuệ căn.

Pháp trí, tỷ trí, khổ trí tương ứng với Không tam- muội. Pháp trí, tỷ trí, diệt trí, tận trí, vô sanh trí tương ứng với Vô tướng tam- muội.

Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, Đạo trí, tận trí, vô sanh trí tương ứng với Vô tác tam- muội.

Pháp trí, tỷ trí, thế trí, khổ trí, tận trí, vô sanh trí tương ứng với vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng.

Thế trí tương ứng với bốn tướng giữa.

Pháp trí, tỷ trí, diệt trí, tận trí, vô sanh trí tương ứng với ba tướng sau cùng.

Có người nói: Thế trí hoặc tương ứng với tướng ly. Pháp trí duyên chín trí, trừ tỷ trí. Tỷ trí cũng như vậy. Thế trí, tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí duyên mười trí. Khổ trí, tập trí, duyên thế trí và tha tâm trí hữu lậu. Diệt trí không duyên trí. Đạo trí duyên chín trí, trừ thế trí. Pháp trí, tỷ trí có đủ mười sáu hành tướng, tha tâm trí có bốn hành tướng. Khổ trí, tập trí, diệt trí, Đạo trí mỗi mỗi có bốn hành tướng. Tận trí, vô sanh trí đều có mười bốn hành tướng, trừ tướng không, tướng vô ngã. Trong noãn pháp, đảnh pháp, nhãn pháp, thế trí có mười sáu hành tướng, trong thế đệ nhất pháp, thế trí có bốn tướng, ngoài ra không có tướng (là quán tướng. Mười sáu hành tướng cũng gọi là mười sáu thánh hạnh, mười sáu hạnh).

Mới bắt đầu vào vô lậu tâm thành tựu một thế trí; qua tâm thứ hai tăng thêm khổ trí, pháp trí. Đến tâm thứ tư tăng thêm tử trí; đến tâm thứ sáu tăng thêm tập trí; đến tâm thứ mười tăng thêm diệt trí; đến tâm thứ mười bốn tăng thêm Đạo trí; nếu lìa dục thì tăng thêm tha tâm trí; ở vô học đạo thì tăng thêm tận trí; được bất hoại giải thoát thì tăng thêm vô sanh trí.

Trong vô lậu tâm đầu không tu trí; trong tâm thứ hai thì hiện tại và vị lai tu hai trí; trong tâm thứ tư, hiện tại tu hai trí, vị lai tu ba trí; trong tâm thứ sáu hiện tại và vị lai tu hai trí; trong tâm thứ tám hiện tại tu hai trí; vị lai tu ba trí; trong tâm thứ mười hiện tại vị lai tu hai trí; trong tâm thứ mười hai hiện tại tu hai trí; vị lai tu ba trí; trong tâm thứ mười bốn hiện tại và vị lai tu hai trí; trong tâm thứ mười sáu hiện tại tu hai trí, vị lai tu sáu trí; nếu lìa dục thì tu bảy trí. Tu-đà-hoàn muốn xa lìa kiết sử cõi Dục, trong mười bảy tâm tu bảy trí; trừ tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí; trong tâm giải thoát thứ chín tu tám trí, trừ tận trí, vô sanh trí; người ở địa vị tín giải chuyển được địa vị kiến đắc ở trong vô gián và giải thoát đạo tu sáu trí, trừ tha tâm trí, thế trí, tận trí, vô sanh trí; trong khi lìa dục của bảy địa, trong vô gián đạo tu bảy trí, trừ tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí; trong giải thoát đạo tu tám trí, trừ tận trí, vô sanh trí. Trong khi lìa dục của cõi Hữu đảnh, trong vô gián đạo tu sáu trí, trừ tha tâm trí, thế trí, tận trí, vô sanh trí; trong tám giải thoát đạo tu bảy trí, trừ thế trí, tận trí, vô sanh trí; người vô học sơ tâm ở giải thoát đạo thứ chín, và bất thời giải thoát tu mười trí và hết thấy thiện căn hữu lậu vô lậu. Nếu người được thời giải thoát thì tu chín trí và hết thấy thiện căn hữu lậu vô lậu.

Các loại như vậy như ở trong môn A-tỳ-đàm có phân biệt nói rộng. Tướng phân biệt theo như thật trí sẽ được nói rộng ở phẩm chót của kinh Bát-nhã Ba-la-mật này.

Lại nữa, có người nói: Pháp trí là biết năm uẩn ở cõi dục là vô thường, khổ, không, vô ngã, biết các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, đó là vô minh làm duyên cho hành, cho đến sanh làm duyên cho già chết, như Phật dạy Phạm-chí Tu-thi-ma rằng: Trước dùng pháp trí phân biệt các pháp, sau dùng Niết-bàn trí.

Tử trí thì biết năm thọ uẩn hiện tại, là vô thường, khổ, không, vô ngã và biết năm thọ uẩn quá khứ, vị lai, và trong cõi Sắc cõi Vô sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã cũng như vậy; ví như thấy lửa hiện tại hay đốt mà so sánh biết lửa ở quá khứ, vị lai và ở quốc độ khác cũng như vậy.

Tha tâm trí thì biết tâm tâm số pháp của chúng sanh khác.

Hỏi: Nếu biết cả tâm và tâm số pháp của người khác, cơ sao chỉ nói là biết tha tâm?

Đáp: Tâm là chủ nên chỉ nói biết tha tâm. Nếu nói tâm thì nên biết đã nói tâm số pháp trong đó.

Thế trí là giả trí, thánh nhân biết thật pháp, còn phàm phu chỉ biết giả danh, vì vậy nên gọi là giả trí, như nóc, đòn tay, cột, vách gọi là nhà, chỉ biết việc như vậy, chẳng biết nghĩa thật; ấy gọi là thế trí.

Khổ trí là dùng khổ tuệ quả mắng năm thọ uẩn.

Hỏi: Năm thọ uẩn cũng vô thường, cũng khổ, cũng không, cũng vô ngã, cơ sao chỉ nói khổ trí mà không nói vô thường, không, vô ngã trí?

Đáp: Vì là khổ đế cho nên nói khổ trí, tập đế cho nên nói tập trí, diệt đế cho nên nói diệt trí, đạo đế cho nên nói Đạo trí.

Hỏi: Năm thọ uẩn có đủ thứ xấu ác cơ sao chỉ nói nó là khổ đế, không nói nó là vô thường đế, không, vô ngã đế?

Đáp: Nếu nói nó là vô thường, không, vô ngã đế cũng không phá hoại pháp tướng; song vì chúng sanh phần nhiều đắm vui, sợ khổ cho nên Phật chế thế gian hết thấy đều khổ, để khiến lìa bỏ. Đối với vô thường, không, vô ngã, chúng sanh không sợ lắm cho nên Phật không dạy.

Lại nữa, trong Phật pháp năm thọ uẩn còn có tên khác gọi là khổ (ngũ ấm xí thành khổ) vì vậy chỉ nói khổ là khổ trí. Hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, nếu ở tại noãn pháp, đảnh pháp, nhãn pháp, thế gian đệ nhất pháp là hữu lậu, nếu nhập vào kiến đế đạo, là vô lậu. Vì cơ sao? Vì từ noãn pháp đến thế gian đệ nhất pháp có bốn cách quán khổ. Tập trí, diệt trí, Đạo trí cũng như vậy.

Lại nữa, khổ trí là biết khổ tướng thật không sanh, tập trí là biết hết thấy pháp lìa nhau, không có hòa hợp, diệt trí là biết các pháp thường tịch diệt như Niết-bàn, Đạo trí là biết hết thấy pháp thường thanh tịnh, không chánh không tà; tận trí là biết hết thấy pháp không gì có được, vô sanh trí là biết hết thấy pháp sanh không thật, không nhất định nên không sanh. Như thật trí là điều mười trí kia không biết được, nhờ như thật trí biết được.

Mười trí có mỗi mỗi tướng, mỗi mỗi duyên, mỗi mỗi sai khác, mỗi mỗi có quán pháp riêng, còn trong như thật trí thì không tướng, không duyên, không sai khác, diệt hết các quán pháp, cũng không có tâm năng quán. Trong mười trí có pháp nhãn, tuệ nhãn, trong như thật trí chỉ có Phật nhãn.

Mười trí thì A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát chung có, còn như thật trí chỉ riêng Phật có. Vì cơ sao? Vì chỉ riêng Phật có pháp không hư

dối, nên biết như thật trí chỉ riêng Phật có.

Lại nữa, mười trí khi nhập vào như thật trí thì mất tên gọi cũ, chỉ còn một thật trí, ví như các dòng nước ở mười phương đều vào biển cả, bỏ tên gọi cũ, mà chỉ gọi là nước biển. Như vậy là phân biệt lý nghĩa mười một trí. Đây là nói lược.

**KINH:** Ba tam-muội: Tam-muội có giác có quán; tam-muội không có quán; tam-muội không giác không quán.

**LUẬN:** Hết thấy thiền định nhiếp tâm, đều gọi là Tam-ma-đề. Trung hoa dịch là Chánh tâm hành xứ (chỗ của chánh tâm đi). Tâm này từ vô thỉ lại đây, thường quanh co không ngay thẳng, khi được chỗ chánh tâm đi này thì tâm ngay thẳng, ví như rắn đi thường cong queo mà khi vào ống tre thì thẳng.

Ba tam-muội này, ở Dục giới Vị đáo địa và Sơ thiền, thì tương ứng với giác và quán, nên gọi là có giác có quán. Ở thiền trung gian, chỉ tương ứng với quán nên gọi là không giác có quán; từ đệ Nhị thiền lên đến Hữu đẳng địa, chẳng tương ứng với giác quán, cho nên gọi là không giác không quán.

Hỏi: Tâm số pháp tương ứng với tam-muội có đến hai mươi thứ, có sao đây chỉ nói giác và quán?

Đáp: Vì giác quán ấy làm nhiều loạn tam-muội, cho nên nói hai sự giác quán tuy là lành, nhưng là giặc của tam-muội, khó có thể lia bỏ.

Có người nói: Tâm có giác quán là không có tam-muội, cho nên Phật nói tam-muội có giác có quán, chỉ không bền chắc thôi. Khi sức giác quán bé nhỏ là có thể được có tam-muội; giác quán ấy có thể sanh tam-muội cũng có thể hoại tam-muội; ví như gió hay sanh mưa mà cũng có thể làm tan mưa. Ba thứ giác quán lành có thể phát sanh Sơ thiền, khi được Sơ thiền phát sanh hoan hỷ lớn, mà vì giác quán nên tâm tán loạn, trở lại bị mất, vì lẽ đó nên chỉ nói đến giác quán.

Hỏi: Giữa giác và quán có gì sai khác?

Đáp: Tướng trạng tâm thô gọi là giác, tướng trạng tâm tế gọi là quán. Tướng trạng tâm phát khởi trong khi mới duyên cảnh là giác, tiếp sau phân biệt trừ lượng tốt xấu là quán.

Có ba thứ giác thô là giác tham dục, giác sân hận, giác não hại. Có ba thứ giác lành là giác ra khỏi, giác không sân hận, giác không não hại. Có ba thứ giác tế là giác về bà con, giác về quốc độ, giác về không chết. Trong đó sáu thứ giác làm chướng ngại tam-muội, ba thứ lành có thể mở cửa tam-muội, nếu giác quán quá nhiều thì trở lại làm mất tam-muội; như gió có thể đẩy thuyền, mà gió quá thì làm hư thuyền. Như vậy là các

cách phân biệt giác quán.

Hỏi: Kinh nói ba pháp là pháp có giác có quán, pháp không giác có quán, pháp không giác không quán. Địa vị có giác có quán, địa vị không giác có quán, địa vị không giác không quán, sao nay chỉ nói ba thứ tam-muội?

Đáp: Khéo, hay mà dùng được thì lấy.

Pháp có giác có quán, là pháp tương ứng với giác quán ở tại Dục giới, Vị đạo địa và Sơ thiên, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Pháp không giác không quán, là pháp tương ứng với quán ở tại thiên trung gian (ở giữa Sơ thiên và Nhị thiên) hoặc thiện, hoặc vô ký.

Pháp không giác không quán, là pháp lìa hết thấy giác quán, hết thấy sắc tâm bất tương ứng hành và pháp vô vi.

Địa vị có giác có quán là Dục giới, Vị đạo địa và Phạm thế (Sơ thiên Phạm thiên). Địa vị không giác có quán là thiên trung gian, khéo tu thì làm vua Đại phạm ở địa vị này.

Địa vị không giác không quán là hết thấy cõi trời Quang-âm, hết thấy cõi trời Biến-tịnh, trời Quảng-quả (Vô tướng), hết thấy cõi trời Vô sắc. Trong đây thượng diệu là pháp tam-muội.

Những tam-muội gì? Từ không, vô tướng, vô tác ba tam-muội cho đến Kim cang, các tam-muội của A-la-hán, Bích-chi Phật, tam-muội quán mười phương Phật, cho đến tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, từ tam-muội đoạn tất cả nghi cho đến tam-muội của chư Phật như Tam-muội vương tam-muội... Các cách phân biệt như vậy, đã lược nói nghĩa của ba tam-muội.

**KINH:** Ba căn là căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết.

**LUẬN:** “Căn chưa biết muốn biết” là chín căn vô lậu hòa hợp. Người pháp hành ở trong kiến đế đạo gọi là căn chưa biết muốn biết, gồm chín căn vô lậu là năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ và hỷ, lạc, xả căn, ý căn. Người tín giải và kiến đắc ở trong tư duy đạo thì chín căn này chuyển thành “căn biết”. Ở trong Vô học đạo thì chín căn này gọi là “căn đã biết”.

Hỏi: Tại sao trong hai mươi hai căn chỉ chọn lấy ba căn ấy? (hai mươi hai căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nam căn, nữ căn, mạng căn, ưu, khổ, hỷ, lạc, xả căn, ý căn, tín, tấn, niệm, định, tuệ căn, căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết – ND).

Đáp: Có tướng trạng lạnh lợi hiểu biết rõ ràng tự tại gọi là căn. Mười chín căn kia vì căn tướng không đầy đủ, nên không lấy, còn ba căn này lạnh lợi, có thể vào thẳng đến Niết-bàn, là chủ trong các pháp hữu

vi, được tự tại, hơn các căn kia.

Lại nữa, mười căn đầu chỉ là hữu lậu tự được, không có lợi ích, chín căn giữa thì bất định hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, cho nên không nói Bồ-tát phải đầy đủ các căn đó.

Hỏi: Mười tướng trên kia cũng là hữu lậu vô lậu, cớ sao nói phải đầy đủ?

Đáp: Mười tướng đều là pháp trợ đạo để cầu Niết-bàn. Còn năm căn tín... tuy là thiện pháp, nhưng không phải đều để cầu Niết-bàn, như trong A-tỳ-đàm nói: Ai thành tựu tín căn... là người không đoạn thiện căn.

Lại nữa, nếu năm căn thanh tịnh thì đã biến thành vô lậu và đã nhiếp vào trong ba căn vô lậu rồi. Trong ba căn này chắc có ý căn, trong ba thọ (khổ, lạc, xả) chắc có một thọ. Vì vậy nên chỉ nói ba căn.

Lại nữa, hai mươi hai căn có thiện có bất thiện, có vô ký lẫn lộn, cho nên không nói phải đầy đủ. Ba căn này nhiếp vào thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn. “Căn chưa biết muốn biết” ở tại sáu địa, “căn biết, căn đã biết” ở tại chín địa. Ba căn duyên bốn đế, tương ứng với sáu tướng. Căn chưa biết muốn biết làm nhân cho ba căn; căn biết làm nhân cho hai căn; căn đã biết chỉ làm nhân cho căn đã biết. Căn chưa biết muốn biết thứ lớp sanh hai căn; căn biết thứ lớp hoặc sanh căn hữu lậu, hoặc sanh căn biết, hoặc sanh căn đã biết; căn đã biết hoặc sanh hữu lậu, hoặc sanh căn đã biết. Như vậy là theo môn A-tỳ-đàm phân biệt nói rộng.

Lại nữa, căn chưa biết muốn biết là đối với thật tướng các pháp, vì chưa biết muốn biết nên sanh năm căn tín... sức của năm căn này có thể biết được thật tướng các pháp, như người khi mới vào bào thai, có được hai căn là thân căn và mạng căn. Bấy giờ như cục thịt, chưa đủ các căn, chưa thể biết được gì. Khi năm căn thành tựu mới biết được năm trần. Bồ-tát cũng như vậy, khi mới phát tâm muốn làm Phật, chưa đầy đủ năm căn ấy, tuy có nguyện muốn biết thật tướng các pháp, nhưng không thể biết được. Bồ-tát khi phát sanh năm căn tín... thì có thể biết thật tướng các pháp, như con mắt, do bốn đại và bốn đại tạo sắc hòa hợp gọi là mắt, lúc đầu tuy có bốn đại, bốn đại tạo sắc mà vì chưa thanh tịnh nên không gọi là nhãn căn. Người không dứt thiện căn, tuy có tín mà chưa thanh tịnh nên không gọi là căn.

Nếu Bồ-tát được năm căn tín... thì bấy giờ có thể tin các pháp tướng là bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, phi hữu phi vô, phi thủ, phi xả, chân tịnh như hư không, không thể chỉ, không thể nói, vượt qua mọi thứ ngôn ngữ, ra ngoài hết thủy tâm tâm số pháp, sở hành như Niết-bàn; ấy

là Phật pháp.

Bồ-tát do sức tín căn nên hay lãnh thọ; do sức tinh tấn căn nên siêng tu không thối chuyển; do sức niệm căn nên không để cho pháp bất thiện xen vào, thu nhiếp các pháp thiện; do sức định căn nên khi tâm tán loạn vào năm dục có thể thu nhiếp lại vào trong thật tướng; do sức tuệ căn nên đối với trí tuệ Phật có được nghĩa vị ít nhiều, không thể bị hư hoại. Năm căn nương nơi ý căn, chắc cùng với thọ hoặc hỷ, hoặc lạc, hoặc xả. Nương căn ấy mà vào Bồ-tát vị, cho đến khi chưa được quả vị vô sanh pháp nhẫn, ở trong giai đoạn ấy gọi là căn chưa biết muốn biết. Trong đó biết thật tướng các pháp rõ ràng nên gọi là biết. Từ đó chứng được quả vô sanh pháp nhẫn ở địa vị bất thối chuyển, được thọ ký, cho đến mãn mười địa, ngồi đạo tràng, được Kim cang tam-muội, ở trong giai đoạn đó gọi là căn biết. Dứt hết thấy tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trí tuệ biết khắp hết thấy pháp khả tri; ấy gọi là căn đã biết.

